

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2020
HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

(Đính kèm theo Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Địa điểm thực hiện (xã, thị trấn)	Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m ²)				Hình thức sử dụng đất			Nguồn vốn đầu tư		Công trình có Chủ trương, Quyết định đầu tư (Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn)	Quy hoạch sử dụng đất		Ghi chú
					Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp	Giao đất	Thuê đất	Chuyển mục đích sử dụng đất	Có bố trí vốn trong năm KH	Loại nguồn vốn đầu tư: TW, của Tỉnh, huyện, xã, khác		Phù hợp	Không phù hợp	
					Tổng số	Trong đó											
						Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm										
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN MỤC ĐÍCH QUỐC PHÒNG, AN NINH																
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN	4,500.0			4,500.0	4,500.0	-	-									
II	Đất công trình năng lượng	4,500.0			4,500.0	4,500.0	-	-									
3	Trạm 110kV Bình Tân và đường dây đầu nối, tỉnh Vĩnh Long	4,500.0	Thị trấn Tân Quới	Ban QLDA Điện lực Miền Nam	4,500.0	4,500.0	-	-	x			x	Khác	Quyết định số 6311/QĐ-BCT ngày 02/12/2011 của Bộ công thương	x		
C	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO HĐND TỈNH CHẤP THUẬN	422,067.7			331,867.7	#VALUE!	268,000.0	90,200.0									
C.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH	272,267.7			183,267.7	#VALUE!	182,400.0	89,000.0									
I	Đất cụm công nghiệp	267,400.0			178,400.0	-	178,400.0	89,000.0									
5	Cụm công nghiệp Tân Quới	267,400.0	Thị trấn Tân Quới, xã Tân Bình	Sở Công thương	178,400.0	-	178,400.0	89,000.0	x			x	Khác	Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 07/14/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
III	Đất thủy lợi	4,000.0			4,000.0	-	4,000.0	-									
9	Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp Tân Quới - Tân Thành (Hạng mục: Bến tập kết hàng hóa (2 bên))	4,000.0	Thị trấn Tân Quới, xã Tân Thành	Sở NN&PTNT	4,000.0	-	4,000.0	-	x			x	Tỉnh	Quyết định số 2789/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Long, ngày 21/12/2018		x	
IV	Đất cơ sở tôn giáo	867.7			867.7	867,7	-	-									
11	Tịnh thất Giác Huệ	867.7	Xã Tân Bình	Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long	867.7	867,7	-	-	x			x	Khác	Quyết định số 178/QĐ-BTS ngày 17/8/2018 của Ban Trị sự - Giáo hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long	x		
C.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN	149,800.0			148,600.0	63,000.0	85,600.0	1,200.0									

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Địa điểm thực hiện (xã, thị trấn)	Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m ²)			Hình thức sử dụng đất			Nguồn vốn đầu tư		Công trình có Chủ trương, Quyết định đầu tư (Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn)	Quy hoạch sử dụng đất		Ghi chú	
					Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp	Giao đất	Thuê đất	Chuyển mục đích sử dụng đất	Có bố trí vốn trong năm KH		Loại nguồn vốn đầu tư: TW, của Tỉnh, huyện, xã, khác	Phù hợp		Không phù hợp
					Tổng số	Trong đó											
						Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm										
I	Đất giao thông	54,000.0			54,000.0	40,000.0	14,000.0	-									
13	Đường từ ĐT.908 đến ranh xã Tân Bình	54,000.0	Xã Tân Thành, xã Tân Bình	UBND xã	54,000.0	40,000.0	14,000.0	-	x			x	Tỉnh+Huyện	Quyết định số 2097/QĐ-UBND, ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
III	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	25,700.0			25,700.0	3,000.0	22,700.0	-									
15	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	25,700.0	Thị trấn Tân Quới	Phòng VHHT	25,700.0	3,000.0	22,700.0		x			x	Huyện	Công văn 2482/UBND-KTN, ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
IV	Đất ở tại đô thị	29,200.0			29,200.0	17,200.0	12,000.0	-									
16	Khu Tái định cư ấp Thành Tâm - xã Thành Lợi	29,200.0	Thị trấn Tân Quới	Ban QLDA ĐTXD huyện	29,200.0	17,200.0	12,000.0	-	x			x	Huyện	Công văn 3985/UBND-KTTH, ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
V	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	39,800.0			38,600.0	2,800.0	35,800.0	1,200.0									
17	Công viên Truyền hình Vĩnh Long	39,800.0	Thị trấn Tân Quới	UBND huyện Bình Tân	38,600.0	2,800.0	35,800.0	1,200.0	x			x	Đài truyền hình	Công văn 2482/UBND-KTN, ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
VI	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,100.0			1,100.0	-	1,100.0	-									
18	Nhà văn hóa cụm ấp Tân Phú - Tân Biên - Tân Dương	1,100.0	Xã Tân Bình	UBND xã	1,100.0	-	1,100.0		x			x	Huyện			x	
D	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÔNG TY, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	108,200.0			48,400.0	-	31,300.0	59,800.0									
D.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH	66,200.0			48,400.0	-	31,300.0	17,800.0									
I	Đất thủy lợi	66,200.0			48,400.0	-	31,300.0	17,800.0									
19	Đê bao dọc Sông Hậu	66,200.0	Xã Tân An Thạnh, xã Tân Bình, thị trấn Tân Quới	Sở NN&PTNT	48,400.0	-	31,300.0	17,800.0	x			x	Tỉnh	Quyết định số 2802/QĐ-UBND, ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
D.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN	42,000.0			-	-	-	42,000.0									

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Địa điểm thực hiện (xã, thị trấn)	Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m ²)				Hình thức sử dụng đất			Nguồn vốn đầu tư		Công trình có Chủ trương, Quyết định đầu tư (Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn)	Quy hoạch sử dụng đất		Ghi chú
					Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp	Giao đất	Thuê đất	Chuyển mục đích sử dụng đất	Có bố trí vốn trong năm KH	Loại nguồn vốn đầu tư: TW, của Tỉnh, huyện, xã, khác		Phù hợp	Không phù hợp	
					Tổng số	Trong đó											
						Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm										
I	Đất giao thông	36,900.0			-	-	-	36,900.0									
20	Đường từ cầu Chú Bền (Quốc lộ 54) ra sông Hậu (giao đất)	36,900.0	Thị trấn Tân Quới	Phòng KT&HT				36,900.0	x			x	NS tỉnh	Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Long	x		
II	Đất CT bưu chính, viễn thông	500.0			-	-	-	500.0									
21	Giao đất Bưu điện huyện	500.0	Thị trấn Tân Quới	Phòng TN&MT	-			500.0	x			x	Khác		x		
III	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	4,600.0			-	-	-	4,600.0									
24	Giao đất cho Trường Mẫu giáo Măng non (ấp Thành Tâm)	800.0	Thị trấn Tân Quới	UBND xã				800.0	x			x	Khác		x		
27	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	3,800.0	Thị trấn Tân Quới	Phòng KT&HT				3,800.0	x			x	Huyện		x		